

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 06 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 02/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 22/08/2024)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

VNM/BSC/C/9M/EU/Cash/2024-01

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 11/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 01 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày được UBCKNN chấp thuận tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

Địa chỉ: Tầng 8, Tầng 9 Tòa nhà ThaiHoldings – số 210 Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 39352722

Fax: (+84-24) 22200669

Website: www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place, Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-28) 38218885

Fax: (+84-28) 38218879

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Nguyễn Duy Viễn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (+84-24) 22200668

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 06 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 02/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 22/08/2024)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

VNM/BSC/C/9M/EU/Cash/2024-01

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 11./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06.tháng 01...năm 2025.)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày được UBCKNN chấp thuận tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

Địa chỉ: Tầng 8, Tầng 9 Tòa nhà ThaiHoldings – số 210 Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 39352722

Fax: (+84-24) 22200669

Website: www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place, Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-28) 38218885

Fax: (+84-28) 38218879

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Nguyễn Duy Viễn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (+84-24) 22200668

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 02/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 22/08/2024)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền	: Chứng quyền VNM/BSC/C/9M/EU/Cash/2024-01
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	: VNM
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam
Loại chứng quyền	: Chứng quyền mua
Kiểu thực hiện	: Thực hiện kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền	: Thực hiện bằng tiền
Thời hạn	: 9 tháng
Ngày đáo hạn	: Dự kiến trong tháng 9/2025 (vào ngày tròn 9 tháng kể từ ngày chào bán được công bố tại Bản Thông báo phát hành)
Tỷ lệ chuyển đổi	: 6:1 (6 chứng quyền đổi 1 chứng khoán cơ sở)
Hệ số nhân (đối với chứng quyền dựa trên chỉ số)	: Không có
Giá thực hiện	: Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (giá thực hiện cụ thể được công bố tại Bản Thông báo phát hành)
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	: 50% * Số lượng đăng ký phát hành * Giá phát hành (số lượng đăng ký phát hành và giá phát hành cụ thể được công bố tại Bản Thông báo phát hành)
Giá chào bán	: 1.000 VND – 4.000 VND (giá chào bán cụ thể được công bố tại Bản Thông báo phát hành)
Tổng số lượng chào bán	: 1.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	: 1.000.000.000 – 4.000.000.000 VND

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI (EY)

Trụ sở chính : Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại : (+84 24) 3831 5100

Fax: (+84 24) 3831 5090

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không có

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền.....	6
2.	Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền	7
3.	Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở.....	8
4.	Rủi ro khác	8
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1.	Tổ chức phát hành.....	9
2.	Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn:.....	9
III.	CÁC KHÁI NIỆM	9
1.	Các khái niệm	9
2.	Từ viết tắt.....	10
IV.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ	12
1.	Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	12
2.	Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	12
V.	THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM .14	
1.	Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	14
1.1.	Lịch sử hình thành và phát triển	14
1.2.	Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty	15
1.3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ	22
1.4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	24
1.5.	Thông tin về Ban điều hành tổ chức phát hành	24
1.6.	Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực.....	25
2.	Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành.....	26
2.1.	Các hoạt động kinh doanh chính tại BSC	26

2.2.	Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại	27
2.3.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	27
2.4.	Các chứng quyền mà công ty đã phát hành	28
3.	Tình hình tài chính	29
3.1.	Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	29
3.2.	Các khoản phải nộp theo luật định.....	30
3.3.	Tổng dư nợ vay	30
3.4.	Tình hình công nợ hiện nay	30
3.5.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	31
VI.	CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	32
1.	Thông tin chung về chứng quyền.....	32
2.	Thông tin về chứng khoán cơ sở.....	33
3.	Thời gian phân phối chứng quyền	34
4.	Đăng ký mua chứng quyền	36
5.	Thực hiện chứng quyền.....	37
6.	Quyền của người sở hữu chứng quyền	39
7.	Điều chỉnh chứng quyền	40
8.	Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền.....	40
9.	Hoạt động tạo lập thị trường	42
VII.	QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	43
1.	Quy trình quản trị rủi ro	43
2.	Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến	44
2.1.	Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền	44
2.2.	Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền	44
3.	Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành	46
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	47
1.	Tổ chức kiểm toán	47
2.	Ngân hàng lưu ký.....	47
IX.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	47

X. CAM KẾT.....	48
XI. PHỤ LỤC.....	48

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm, các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm này.

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Chúng tôi không bảo đảm về bất cứ sự nghiên cứu, điều tra nào liên quan tới hoạt động của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm không nên hiểu sự phát hành chứng quyền có bảo đảm như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền có bảo đảm trên thị trường, qua đó tác động trực tiếp đến giá chứng quyền... Ngoài ra, tổ chức phát hành còn có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm.

Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền có bảo đảm, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

Rủi ro chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết liên quan tới vấn đề thanh khoản hoặc giải thể: Trong trường hợp tổ chức phát hành giải thể, phá sản, hoặc tổ chức phát hành không đáp ứng được các tiêu chuẩn của Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng quyền có bảo đảm sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền có bảo đảm bị hủy trước ngày đáo hạn.

Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền có bảo đảm mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Người sở hữu không có quyền buộc chúng tôi thực hiện các hoạt động liên quan tới giao dịch hoặc thực hiện quyền của chứng quyền có bảo đảm. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể

bảo đảm được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền có bảo đảm.

Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền có bảo đảm khác có khả năng ảnh hưởng đến giá của chứng quyền có bảo đảm đã phát hành

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

Rủi ro đầu tư chung: người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của chứng quyền có bảo đảm và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có bảo đảm có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm: do chứng quyền có bảo đảm có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có bảo đảm có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền có bảo đảm đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền có bảo đảm sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền có bảo đảm. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có bảo đảm.

Rủi ro về giá: rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm. Sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có bảo đảm, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của chứng quyền có bảo đảm còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền có bảo đảm. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền có bảo đảm theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền có bảo đảm thông qua phương thức phát hành bổ sung chứng quyền có bảo đảm miễn là hạn mức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền có bảo đảm.

Rủi ro từ tính đòn bẩy: đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền có bảo đảm khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy

nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

Rủi ro thanh khoản: là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền có bảo đảm ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền có bảo đảm đó. Thanh khoản của chứng quyền có bảo đảm phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền có bảo đảm, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền có bảo đảm sẽ sôi động.

Rủi ro của chứng quyền kiểu châu Âu: chứng quyền có bảo đảm kiểu châu Âu chỉ cho phép thực hiện quyền vào ngày đáo hạn. Do đó, giá của chứng quyền có bảo đảm có thể được giao dịch bằng với mức giá đã được chiết khấu so với giá hợp lý ở thời điểm đáo hạn.

Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có bảo đảm không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm và không giới hạn việc phát hành quyền, phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Rủi ro khác

Rủi ro về thuế: Các nhà đầu tư mua chứng quyền chịu rủi ro trả thuế cao hơn khi thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.

Trường hợp bán chứng quyền trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền, do chứng quyền được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá trị chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân với thuế suất 0,1%.

Trường hợp tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền, thời điểm phát sinh thu nhập là thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần. Trong đó giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân với số lượng chứng quyền chia cho tỷ lệ chuyển đổi.

Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở thường cao hơn rất nhiều so với giá chứng quyền nên các nhà đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn chịu rủi ro trả thuế thu nhập cao hơn so với việc bán chứng quyền trước ngày đáo hạn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Ngô Văn Dũng	:	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Duy Viễn	:	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Trần Ngọc Diệp	:	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Phạm Thanh Thủy	:	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi Bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để bảo đảm đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn:

Không có

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Các khái niệm

Chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền) là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019 của Quốc hội.

Chứng khoán cơ sở là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng quyền (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành) là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.

Ngân hàng lưu ký là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.

Chứng quyền kiểu châu Âu là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.

Giá thực hiện là mức giá mà người sở hữu chứng quyền mua có quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Tỷ lệ chuyển đổi cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

Ngày đáo hạn là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.

Chứng quyền đang lưu hành là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.

Chứng quyền chưa lưu hành là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.

Chứng quyền có lãi (ITM) là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá của chứng khoán cơ sở.

Chứng quyền lỗ (OTM) là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.

Chứng quyền hòa vốn (ATM) là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.

Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.

Delta là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$Delta = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

2. Từ viết tắt

Tổ chức phát hành/BSC/ Công ty	Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV
TCPH	Tổ chức phát hành
BCTC	Báo cáo tài chính
BIDV	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
CMND/CCCD	Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân
CNTT	Công nghệ thông tin
CW	Chứng quyền có bảo đảm
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
EU	Liên minh châu Âu

mr

EPS	Thu nhập trên một cổ phần
GCNĐKDN/CMND	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Chứng minh nhân dân
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
HSX	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
IPO	Phát hành lần đầu ra công chúng
QTRR	Quản trị rủi ro
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTCK	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
TPCP	Trái phiếu Chính phủ
XK	Xuất khẩu
NK	Nhập khẩu
NĐTNN	Nhà đầu tư nước ngoài
HĐQT	Hội đồng quản trị
TNCN	Thu nhập cá nhân
CKCS	Chứng khoán cơ sở
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
FED	Cục Dự trữ Liên bang (Hoa Kỳ)
ECB	Ngân hàng Trung ương Châu Âu
ETF	Quỹ hoán đổi danh mục
BDS	Bất động sản
NHTW	Ngân hàng trung ương
KQKD	Kết quả kinh doanh
TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
TVTC	Tư vấn tài chính
VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
TMCP	Thương mại cổ phần

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Quý II năm 2024, tăng trưởng kinh tế thế giới có xu hướng tích cực nhờ nhu cầu hàng hóa tăng trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, giá trung bình của hàng hóa giảm nhẹ nhờ nguồn cung cải thiện. Tốc độ tăng trưởng GDP quý 2/2024 đạt 6,93% yoy và tăng trưởng kinh tế sáu tháng đầu năm 2024 của Việt Nam tiếp tục khởi sắc với mức tăng 6,42% yoy, tuy nhiên, áp lực từ tỷ giá, tình hình nóng lên của lạm phát trong bối cảnh rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất toàn cầu do bất ổn địa chính trị sẽ vẫn là những mối lo chính lên việc ổn định kinh tế vĩ mô.

- Tốc độ tăng trưởng GDP trong 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6,42% yoy phần lớn đến từ sự phục hồi từ lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng. Cụ thể, khu vực này tăng 7,51% yoy (cao hơn so với 6T2023 chỉ là 0,85% yoy) và đóng góp 44,28% vào GDP. Tín hiệu này cho thấy nền sản xuất của Việt Nam đang phục hồi lại tích cực.
- Tốc độ tăng trưởng tiêu dùng có tăng trưởng, tuy nhiên đà tăng chững lại trong quý 2/2024 (lũy kế 6T2024 đạt +8,59% yoy).
- Xuất nhập khẩu hồi phục so với cùng kỳ nhưng tốc độ tăng trưởng cũng đang thu hẹp dần do mức nền của năm 2023 có xu hướng tăng lên theo từng tháng (lũy kế 6T, XK +14,50%yoy; NK +17,00% yoy). Cán cân thương mại hàng hóa sáu tháng đầu năm 2024 ước tính xuất siêu 11,63 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 13,44 tỷ USD).
- Giải ngân dòng vốn FDI tiếp tục cải thiện (lũy kế 6T/2024 đạt 10,8 tỷ USD, tăng +7,35% yoy).
- Về tỷ giá, nhu cầu USD cho nhập khẩu hàng hóa, sự chênh lệch về lãi suất giữa VND-USD cũng như chỉ số DXY Index gia tăng sức mạnh khiến cho tỷ giá chạm trần SBV đặt ra (+5,0% so với đầu năm).

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Dòng tiền nhà đầu tư cá nhân trong nước vững vàng trước áp lực bán ròng đến từ khối ngoại

Trong Quý 2/2024, VN-Index trải qua các đợt điều chỉnh khi xuất hiện các thông tin không tích cực trên thị trường, đặc biệt là đợt giảm điểm vào giữa T04/2024 khi chỉ số giảm từ 1.281,52 điểm xuống 1.174,85 điểm (giảm 106,67 điểm ~ 8,32%), ngưỡng 1.170 điểm bị thử thách khi tâm lý tiêu cực xuất hiện trên thị trường cùng hoạt động chốt lời sau nhịp tăng điểm ấn tượng trong Q1/24 trước đó.

Tuy nhiên, dòng tiền từ nhóm các nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục cho thấy sự vững vàng trong bối cảnh nhà đầu tư nước ngoài duy trì đà bán ròng. Thị trường hồi phục kể từ cuối T04/24 và duy trì nhịp tăng điểm tốt cho đến giữa T06/24 trước khi hoạt động chốt lời diễn ra. Kết thúc Quý 2/2024, VN-Index dừng chân ở mốc 1.245,32 điểm tương đương với mức giảm 3,02% so với thời điểm 29/03/2024, tuy nhiên tính trong 6T2024, chỉ số đã ghi nhận mức tăng 10,21% so với cuối năm 2023.

Nền kinh tế tiếp tục cho thấy tín hiệu khởi sắc cùng sự vào cuộc quyết liệt của Chính phủ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tiếp tục làm nền tảng quan trọng cho thị trường. Mặt

khác các nỗ lực của Bộ Tài chính, UBCKNN trong việc giải quyết nút thắt “pre-funding” đối với NĐTNN nhằm hướng đến mục tiêu nâng hạng TTCK vào 2025 sẽ là yếu tố hỗ trợ quan trọng cho thị trường trong 06 tháng còn lại của năm 2024.

- Thanh khoản toàn thị trường trong Q2/2024 tiếp tục tăng trưởng tốt khi đạt 25.280 tỷ đồng/phiên, tăng 5,8% so với trung bình Q1/2024. Tính trong 6T2024, thanh khoản 3 sàn đạt mức 24.599 tỷ đồng, tăng 39,53% so với trung bình cả năm 2023 và chỉ kém 7,5% so với thanh khoản kỷ lục của năm 2021 – năm thị trường cực kỳ khởi sắc với giao dịch 26.589 tỷ đồng/phiên.
- Vốn hóa toàn thị trường Q2/24 đạt trung bình 6,85 triệu tỷ đồng, tăng hơn 8,4% so với bình quân Q1/24. Tính trong 6T24, vốn hóa trung bình 3 sàn đạt 6,59 triệu tỷ, tăng 14,32% so với bình quân cả năm 2023.
- 6T2024 chứng kiến đà bán ròng kỷ lục của khối ngoại khi nhóm nhà đầu tư này đã rút ròng 52.621 tỷ đồng. Tính cả năm 2023, NĐTNN đã bán ròng 128.060 tỷ đồng trong 18 tháng – con số kỷ lục so với cả giai đoạn 2020-2021 (rút ròng 81.076 tỷ đồng). Áp lực bán ròng đến cả từ các quỹ chủ động và các quỹ ETF, tính riêng các quỹ ETF đã rút ròng hơn 535 triệu USD trong đó có sự kiện Tập đoàn quản lý tài sản hàng đầu thế giới BlackRock thông báo giải thể quỹ ETF iShares;

Mặt bằng lãi suất huy động tại một số kỳ hạn ngắn tại các NHTM đã có dấu hiệu nhích dần lên tuy nhiên môi trường lãi suất hiện tại vẫn ở mức thấp điều này tạo điều kiện cho TTCK tiếp tục là một kênh đầu tư sinh lời hấp dẫn đối với các nhà đầu tư - điển hình là số lượng tài khoản mở mới tiếp tục tăng trong Q2 và toàn thị trường ghi nhận gần 8 triệu tài khoản chứng khoán. Bên cạnh đó, vào ngày 19/07/2024 UBCKNN đã công bố bản dự thảo lần 2 đối với các thông tư nhằm giải quyết vấn đề “pre-funding”, quy chế về công bố thông tin... nhằm tạo sự bình đẳng cho NĐTNN, hướng đến mục tiêu nâng hạng TTCK vào năm 2025 sẽ là động lực quan trọng cho 06 tháng còn lại của năm 2024.

Triển vọng tăng trưởng kinh tế và TTCK năm 2024 được đánh giá khả quan hơn năm 2023. Các yếu tố thuận lợi đến TTCK gồm:

- Xu hướng giảm lãi suất toàn cầu sẽ giúp cho các nền kinh tế chủ chốt hạ cánh mềm qua đó tác động tích cực lên các ngành sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam. Mặt khác lãi suất toàn cầu hạ cũng giảm áp lực đến tỷ giá và đảo chiều hoạt động rút ròng của khối ngoại trên TTCK.
- Trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định, các động lực tăng trưởng hồi phục. Các chính sách tiền tệ và tài khoá hỗ trợ được duy trì tạo đà tăng trưởng nối tiếp chuyển biến vào cuối năm 2023.
- Chính phủ quyết liệt thực thi các giải pháp tháo gỡ các nút thắt trên thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường bất động sản và gỡ bỏ các rào cản kinh doanh khơi thông dòng vốn mang lại sự ổn định cho cộng đồng doanh nghiệp nói riêng và TTCK nói chung. Đặc biệt, với sự quyết tâm cao của Quốc hội, Chính phủ trong việc điều chỉnh thời gian (sớm hơn 05 tháng so với trước đây) đối với 03 bộ luật quan trọng là: Luật đất đai, Luật Kinh doanh BĐS, Luật Nhà ở sẽ tạo cơ sở hành lang pháp lý quan trọng để khơi thông nguồn lực, phát triển Kinh tế - Xã hội trong thời gian tới.

- Nỗ lực và quyết tâm của cơ quan quản lý từ phía Bộ Tài chính, UBCKNN cùng các thành viên thị trường (CTCK, Ngân hàng đại lý/lưu ký), tổ chức quốc tế (WB, FTSE, MSCI...) trong việc giải quyết nút thắt “pre-funding” sẽ là động lực quan trọng cho 6 tháng còn lại của năm 2024 cũng như năm 2025 – mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi của Chính phủ.

Chờ đợi vào KQKD Quý 3/2024 – nền tảng cơ bản để thị trường tiếp tục tăng trưởng

BSC cho rằng yếu tố tăng trưởng lợi nhuận sẽ là yếu tố cốt lõi hỗ trợ cho xu thế tăng trưởng của VN-Index nói chung và cổ phiếu nói riêng khi Chính phủ tiếp tục ưu tiên mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua hài hòa giữa chính sách tài khóa (tiếp tục miễn giảm thuế, phí, lệ phí, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công...) và chính sách tiền tệ (tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất thấp). Đối với triển vọng nửa cuối năm, BSC cho rằng sẽ tiếp tục duy trì sự phân hoá rõ nét do đó, việc lựa chọn cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, xu thế phục hồi lợi nhuận, định giá ở mức hợp lý sẽ là yếu tố được ưu tiên.

Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

Sau hợp đồng tương lai chỉ số, chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm đòn bẩy tiếp theo được ra mắt nhằm giúp tăng tính đa dạng cho thị trường chứng khoán Việt Nam, cũng như giúp nhà đầu tư có thêm công cụ để tối ưu hóa nguồn vốn. Chứng quyền có một số ưu điểm nổi bật như lợi nhuận không hạn chế trong khi cố định mức lỗ, chi phí đầu tư thấp, được niêm yết trên HSX và giao dịch giống với các cổ phiếu thông thường.

Biến động của chứng quyền phụ thuộc vào các tham số đầu vào gồm giá và độ biến động của chứng khoán cơ sở, giá thực hiện, tỷ lệ thực hiện, thời gian đáo hạn và lãi suất phi rủi ro. Trong suốt vòng đời của chứng quyền, sự thay đổi của giá và độ biến động của chứng khoán cơ sở khiến mức đòn bẩy của chứng quyền cũng thay đổi theo, làm nên tính hấp dẫn của sản phẩm này.

Nhà đầu tư có thể chọn mua chứng quyền tại thời điểm phát hành sơ cấp (IPO) hoặc mua trực tiếp sau khi chứng quyền đã niêm yết trên HSX. Sau khi đã sở hữu chứng quyền, nhà đầu tư có thể bán lại chứng quyền trên HSX hoặc nắm giữ tới ngày đáo hạn để thực hiện quyền.

Chứng quyền có bảo đảm được tạo lập bởi các tổ chức phát hành (là các Công ty chứng khoán) có uy tín giúp cho việc giao dịch hàng ngày của nhà đầu tư thuận lợi và tốn ít chi phí. Ngoài ra, các tổ chức phát hành phải thực hiện phòng ngừa rủi ro bằng việc mua chứng khoán cơ sở và ký quỹ tại ngân hàng lưu ký để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khi bán chứng quyền cho nhà đầu tư.

Tuy nhiên, chứng quyền có bảo đảm cũng có những yếu tố rủi ro đặc thù là nhà đầu tư tham gia có thể mất toàn bộ vốn đầu tư nên tổ chức phát hành khuyến cáo nhà đầu tư cần tìm hiểu kỹ về sản phẩm trước khi ra quyết định đầu tư.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV được cấp phép thành lập ngày 26/11/1999, với tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – có

trụ sở tại Hà Nội, là Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên có những đóng góp cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Năm 2010: Ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Đây là một bước ngoặt lớn đánh dấu sự trưởng thành của Công ty và cũng mở ra một chặng đường đầy thách thức với toàn thể Ban lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên khi Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần.

Năm 2011: Từ 01/01/2011 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, đi vào hoạt động với mô hình mới. Ngày 19/07/2011, Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BSI.

Năm 2019: Nhận giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2019” do tạp chí Global Banking and Finance bình chọn. Là một trong số những công ty đầu tiên phát hành chứng quyền có bảo đảm.

Năm 2020: Top 1 Thành viên thị phần môi giới giao dịch trái phiếu chính phủ lớn nhất năm 2020. Nhận giải “Công ty chứng khoán có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu” tại sự kiện Diễn đàn Dịch vụ Tài chính Việt Nam. Nhận giải “Công ty chứng khoán có dịch vụ Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2020” do tạp chí Global Banking and Finance trao tặng.

Năm 2021: Nhận giải “Công ty chứng khoán vinh danh Top 1 Thành viên thị phần môi giới giao dịch trái phiếu chính phủ lớn nhất năm 2021. Nhận giải Công ty quản lý đầu tư tốt nhất Việt nam năm 2021” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng. Nhận 6 giải thưởng do Tạp chí Asiamoney trao tặng với thứ hạng đứng Top 2, bao gồm giải “Công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới tốt nhất”, “Công ty chứng khoán có dịch vụ phân tích, nghiên cứu tốt nhất”, “Công ty chứng khoán có dịch vụ bán hàng tốt nhất”; “Công ty chứng khoán có hoạt động giao dịch tốt nhất”; “Công ty chứng khoán tiếp cận doanh nghiệp tốt nhất” và “Chuyên gia phân tích xuất sắc nhất ngành Xây dựng – Kỹ thuật”.

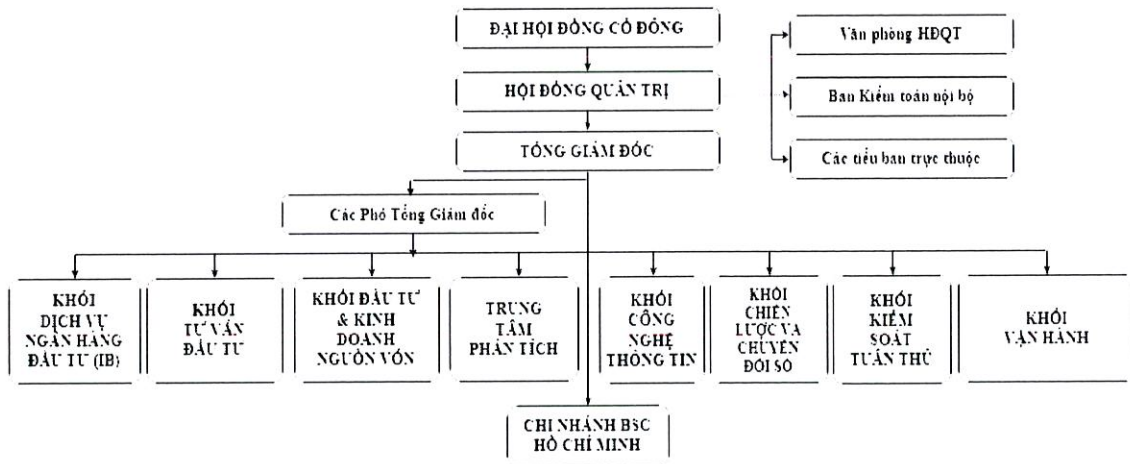
Năm 2022: Nhận giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2022” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

Năm 2023: Giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2023” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

1.2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của BSC được tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật doanh nghiệp, công ty đại chúng và công ty chứng khoán như sau:

Biểu đồ 1: Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty



1.2.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các thẩm quyền chính như sau:

- **Thẩm quyền quyết định định hướng phát triển của Công ty và các hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của Công ty:**
 - Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- **Thẩm quyền quyết định cơ cấu tổ chức, xử lý vi phạm các chức danh quản lý:**
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

kyan

➤ **Thẩm quyền quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.**

1.2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các nhiệm vụ quyền hạn cơ bản của Hội đồng quản trị được quy định như sau:

➤ **Thẩm quyền quyết định, điều hành các hoạt động của Công ty:**

- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
- Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật và quyết định ban hành các Quy chế này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định

- ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- **Thẩm quyền quyết định cơ cấu tổ chức, xử lý vi phạm các chức danh quản lý:**
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
 - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro theo quy định tại Điều 11 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 9 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác;
- **Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;**

1.2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của BSC có các nhiệm vụ quyền hạn cơ bản sau:

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng

bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

1.2.4. Ban Kiểm toán nội bộ

- Thiết lập khung và chính sách kiểm toán nội bộ của Công ty đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và Quy chế về kiểm toán nội bộ của BSC;
- Tổ chức các chương trình kiểm toán nội bộ định kỳ và theo chuyên đề tại BSC và công ty con của BSC;
- Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động sửa chữa, khắc phục đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có kiến nghị;
- Thực hiện các chức năng khác phù hợp quy định của Pháp luật hiện hành liên quan đến chức năng của Ban Kiểm toán nội bộ.

1.2.5. Văn phòng Hội đồng quản trị

Đầu mối tham mưu, giúp việc, tư vấn Hội đồng quản trị trong việc:

- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- Xây dựng quan hệ cổ đông, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- Thực hiện xây dựng và triển khai các chương trình làm việc/chương trình họp/ việc lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thực hiện các nguyên tắc quản trị công ty;
- Phối hợp, triển khai quy chế quản trị của BSC, hoạt động phối hợp của Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát, Ban điều hành;
- Điều phối quan hệ giữa BSC với đối tác chiến lược;

Đầu mối giám sát, đánh giá, báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình triển khai các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và các nội dung chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT đối với hoạt động của Công ty;

Thực hiện chức năng Thư ký công ty, Công bố thông tin theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của công ty trong từng thời kỳ.

Tiếp nhận, truyền đạt các chỉ đạo, phê duyệt của Chủ tịch HĐQT tới Ban điều hành.

1.2.6. Các tiểu ban trực thuộc

➤ **Tiểu ban chính sách phát triển**

- Nghiên cứu chính sách và chiến lược phát triển của Công ty;
- Thực thi chính sách phát triển công ty;
- Xác định và triển khai các ưu tiên hoạt động trong từng giai đoạn cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động trong dài hạn của công ty
- Các chức năng nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong từng thời kỳ.

➤ **Tiểu ban nhân sự - tiền lương**

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty trong công tác tổ chức nhân sự;
- Đề xuất chính sách lương thưởng của Công ty;
- Thực hiện các chức năng chuyên môn theo sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty;
- Các chức năng nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị, quy định của pháp luật và điều lệ Công ty trong từng thời kỳ.

➤ **Tiểu Ban Quản trị rủi ro**

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty;
- Thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị chỉ đạo xử lý kịp thời các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc, Bộ phận quản trị rủi ro và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro;
- Các chức năng nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong từng thời kỳ.

1.2.7. Ban Điều hành

Thành phần Ban điều hành của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Trong đó, Tổng Giám Đốc giữ vị trí quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm

trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

1.2.8. Các khối bộ phận trong công ty

- **Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB):** Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng đầu tư phù hợp quy định của pháp luật và quy định nội bộ của công ty trong từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn: Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A); tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp; tư vấn tài chính doanh nghiệp; Đại lý phát hành chứng khoán; Dịch vụ tư vấn bảo lãnh phát hành.
- **Khối Tư vấn Đầu tư:** Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán; phát triển mở rộng các đối tượng khách hàng nhằm gia tăng thị phần Môi giới của Công ty; nghiên cứu, phát triển, quản lý các sản phẩm dịch vụ tài chính có liên quan đến hoạt động Môi giới.
- **Khối Đầu tư và Kinh doanh nguồn vốn:** Xây dựng, quản lý và cung cấp hệ thống các báo cáo/sản phẩm phân tích phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, khách hàng/đối tác.
- **Trung tâm Phân tích:** Xây dựng, quản lý và cung cấp hệ thống các báo cáo/sản phẩm phân tích phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, khách hàng/đối tác.
- **Khối Công nghệ thông tin:** Xây dựng, phát triển, vận hành hệ thống hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty; Xây dựng, phát triển, vận hành hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.
- **Khối Chiến lược và Chuyển đổi số:** Tham mưu, đề xuất Ban lãnh đạo công ty về chiến lược hoạt động kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ; Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược chuyển đổi số của công ty.
- **Khối Kiểm soát tuân thủ:** Giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty; Xây dựng chính sách quản trị rủi ro, theo dõi giám sát trạng thái rủi ro toàn Công ty; Đầu mối công tác pháp chế phục vụ hoạt động của Công ty.

- **Khối Vận hành:** Cung cấp các dịch vụ liên quan đến hoạt động giao dịch, quản lý chứng khoán cho khách hàng/đối tác của công ty; Đầu mối tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ Ban điều hành công ty trong hoạt động quản trị nội bộ của Công ty bao gồm: quản trị kế hoạch kinh doanh, kế hoạch hoạt động của Công ty và Khối/Trung tâm/Chi nhánh; quản trị Kế toán tài chính, quản trị nhân sự, quản trị hành chính; quản trị các hoạt động Truyền thông – Marketing của Công ty.

1.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

1.3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	115.923.897	51,97%
2	Công ty TNHH Chứng khoán Hana – Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: Hana Securities Co., Ltd	10th Floor (Global Strategy Team), 82, Uisadang-daero, Yeongdeungpo-gu, Seoul 07321, Korea	78.087.289	35,01%

Nguồn : BSC tổng hợp danh sách cổ đông tại ngày 10/07/2024 do VSDC cung cấp

1.3.2 Danh sách người liên quan

Danh sách người liên quan

TT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu		Tỷ lệ %
				Đại diện sở hữu	Cá nhân sở hữu	
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội	63.758.143	0	28,58%
2	Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea	0	0	0%
3	Hoàng Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	17.388.585	0	7,80%
4	Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	34.777.169	0	15,59%
5	Lim Do Kyoon	Ủy viên độc lập HĐQT	Bundang-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	0	0	0%
B	BAN KIỂM SOÁT					

TT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu		Tỷ lệ %
				Đại diện sở hữu	Cá nhân sở hữu	
6	Phạm Thanh Thủy	Trưởng ban Kiểm soát	Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	0	0	0%
7	Vũ Minh Châu	Thành viên Ban kiểm soát	Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội	0	0	0%
8	Kang Hee Joung	Thành viên Ban kiểm soát	Mapo-gu, Seoul 041145, Republic of Korea	0	0	0%
C	BAN GIÁM ĐỐC					
9	Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc/Ủy viên HĐQT	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	34.777.169	0	15,59%
10	Chung Jae Hoon	Phó Tổng Giám đốc	Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea	0	0	0%
11	Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc/Người được ủy quyền CBTT	Tràng Tiền, Hoàn Kiếm Hà Nội	0	0	0%
12	Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc	Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	0	15.206	0,007%
13	Phạm Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	0	1	0%
D	KẾ TOÁN TRƯỞNG					
14	Trần Ngọc Diệp	Kế toán trưởng	Tổ 7 Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0	0%
E	NGƯỜI QUẢN TRỊ CÔNG TY					
15	Phùng Minh Sơn	Người phụ trách quản trị công ty	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	0	0	0%
F	BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ					
16	Bùi Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	0	0	0%
17	Nguyễn Đức Minh	Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	0%
G	THƯ KÝ CÔNG TY					
18	Đỗ Văn Sơn	Thư ký Công ty	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	0	0	0%

Nguồn: BSC tổng hợp danh sách cổ đông tại ngày 10/07/2024 do VSDC cung cấp

1.4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

1.4.1 Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của BSC

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ sở hữu
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động ngân hàng thương mại, ngân hàng bán lẻ, ngân hàng đầu tư và bảo hiểm	115.923.897	51,97%

Nguồn: BSC tổng hợp danh sách cổ đông tại ngày 10/07/2024

1.4.2 Danh sách công ty con của BSC

Không có.

1.4.3 Danh sách những công ty mà BSC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

1.5. Thông tin về Ban điều hành tổ chức phát hành

a. Ông Nguyễn Duy Viễn - Tổng giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Duy Viễn có bằng về Thạc sỹ Kinh tế và có 24 năm kinh nghiệm làm việc tại lĩnh vực tài chính, ngân hàng, trong đó có 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng khoán. Năm 2019 ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán BIDV. Từ năm 2020 đến nay ông được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật CTCP Chứng khoán BIDV.

b. Bà Ngô Thị Phong Lan – Phó Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Phong Lan có trình độ Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Bà Lan đã có 23 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chứng khoán trong đó có 20 năm làm việc tại BSC. Từ năm 2014 đến nay bà Lan được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh BSC.

c. Ông Chung Jae Hoon – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Chung Jae Hoon đã có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán tại Hàn Quốc và Việt Nam. Hiện nay, ông Chung giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Chứng khoán BIDV.

d. Ông Lê Quang Huy – Phó Tổng Giám đốc



Ông Lê Quang Huy có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, trong đó có 10 năm làm việc tại BSC. Từ năm 2020 đến nay, ông Huy được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán BIDV.

e. Ông Phạm Xuân Anh – Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Xuân Anh có trình độ Thạc sỹ Kinh tế, và có 25 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán. Hiện nay, Ông Xuân Anh đang giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán BIDV.

f. Bà Trần Ngọc Diệp – Kế toán trưởng

Bà Diệp có gần 20 năm làm việc tại CTCP Chứng khoán BIDV, trong đó có 15 năm làm việc tại Phòng Tài chính kế toán. Từ năm 2016 đến nay, Bà Diệp được bổ nhiệm làm kế toán trưởng CTCP Chứng khoán BIDV.

1.6. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực

a. Ông Ngô Văn Dũng – Chủ tịch HĐQT

Ông Ngô Văn Dũng có trình độ Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng và có trên 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Ngân hàng, tài chính. Từ năm 2019 đến nay ông Ngô Văn Dũng được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng quản trị BSC.

b. Ông Chung Jae Hoon – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Vui lòng xem thông tin về Ông Chung Jae Hoon được nêu tại mục c phần 1.5. Thông tin về Ban điều hành

c. Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Thành viên HĐQT

Bà Hoàng Thị Minh Ngọc có trình độ Thạc sỹ Tài chính. Bà Ngọc đã có 10 năm làm việc tại các lĩnh vực Ngân hàng, tài chính. Từ tháng 04/2024 đến nay bà Ngọc đã được bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị BSC.

d. Ông Nguyễn Duy Viễn –Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật

Vui lòng xem thông tin về Ông Nguyễn Duy Viễn được nêu tại mục a phần 1.5. Thông tin về Ban điều hành

e. Ông Lim Do Kyoong – Thành viên HĐQT

Ông Lim Do Kyoong đã có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán tại Hàn Quốc và Việt Nam. Hiện nay, ông Lim giữ vị trí Thành viên HĐQT độc lập tại CTCP Chứng khoán BIDV.

f. Bà Nguyễn Thị Hà Thanh – Trưởng phòng QTRR

Bà Nguyễn Thị Hà Thanh có 09 năm kinh nghiệm làm việc tại lĩnh vực Chứng khoán, trong

đó có 03 năm kinh nghiệm phụ trách hoạt động Quản trị rủi ro. Để đảm bảo nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc phục vụ công việc, bà Nguyễn Thị Hà Thanh đã trang bị quá trình học vấn chuyên sâu với bằng Thạc sỹ Tài chính và chứng chỉ Phân tích đầu tư tài chính CFA. Trong công việc, bà Nguyễn Thị Hà Thanh luôn thể hiện sự chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao, và nhận được sự tin nhiệm của tổ chức và đồng nghiệp.

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1. Các hoạt động kinh doanh chính tại BSC

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Thị phần BSC năm 2023 đạt 2,59%, tăng 1,2% so với năm 2022, đạt Top 9 thị phần môi giới trên sàn HNX và Top 10 thị phần môi giới trên sàn UpCoM.

Giá trị giao dịch thị trường suy giảm trong điều kiện không thuận lợi của thị trường chứng khoán trong nửa đầu năm đã ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của mảng này. Năm 2023, doanh thu môi giới BSC đạt 286 tỷ đồng, giảm 18% so với năm 2022. Tốc độ tăng trưởng doanh thu môi giới bình quân giai đoạn 5 năm 2019-2023 đạt 20,2%/năm.

Bên cạnh hoàn thiện hệ thống sản phẩm dịch vụ, mở rộng nền tảng khách hàng cũng được BSC chú trọng. BSC liên tục nghiên cứu và chủ động điều chỉnh chính sách sản phẩm phù hợp theo mỗi phân khúc, đảm bảo tính cạnh tranh, thúc đẩy khách hàng giao dịch. Trong năm 2023 có gần 12,4 nghìn tài khoản mở mới tại BSC, nâng số lượng tài khoản quản lý lên 180 nghìn tài khoản, tăng 7,4% so với năm 2022.

Nền tảng khách hàng tổ chức giao dịch qua BSC tiếp tục được chú trọng mở rộng trong năm 2023, tiêu biểu là các quỹ lớn trên thị trường như SSIAM, Vinacapital, DCVFM, IPAAM, KIM, CTBC, Bảo Việt Fund, FairFax ...

Đối với mảng môi giới trái phiếu, BSC tiếp tục phát huy và khẳng định vị thế dẫn đầu môi giới trái phiếu chính phủ, thể hiện chất lượng dịch vụ ổn định, chuyên nghiệp cũng như sự tin nhiệm cao với các đối tác là các Ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm. BSC tiếp tục phát huy và giữ vững vị thế top đầu thị trường môi giới trái phiếu Chính phủ, và được Bộ Tài Chính vinh danh Top 1 Nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ.

HOẠT ĐỘNG CHO VAY KÝ QUỸ

Thanh khoản thị trường năm 2023 có sự suy giảm, tuy nhiên, quy mô cho vay margin của BSC vẫn tăng trưởng tích cực ở mức 4.296 tỷ đồng, tăng 45% so với 2022. Tốc độ tăng trưởng quy mô dư nợ cho vay bình quân giai đoạn 5 năm 2019-2023 đạt 38,7%/năm. Doanh thu lãi cho vay của BSC đạt 446,1 tỷ đồng, tăng 44,2% so với mức thực hiện năm 2022.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ & KINH DOANH NGUỒN VỐN

Thị trường chứng khoán năm 2023 diễn biến phức tạp với nhiều cơ hội cùng rủi ro đan xen. BSC đã thành công trong việc tận dụng tốt các nhịp tăng của thị trường và quản trị rủi ro chặt chẽ trước những đợt giảm điểm. Theo đó trong năm 2023, lợi nhuận từ các tài sản ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) và các tài sản nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM) đạt 328,4 tỷ đồng, tăng gấp 19 lần năm 2022.

Hoạt động đầu tư bao gồm 02 mảng chính:

- **Đầu tư cổ phiếu và sản phẩm cấu trúc:** Năm 2023, BSC đã tận dụng những giai đoạn giảm sâu của thị trường để đầu tư và tập trung vào việc đầu tư cổ phiếu của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tăng trưởng tốt. Hoạt động đầu tư cổ phiếu trong năm

2023 đã đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận với tỷ suất sinh lời đạt 65,5%.

Ngoài ra, BSC tiếp tục hoạt động phát hành chứng quyền dựa trên các cổ phiếu cơ sở là ACB, MWG, STB, TCB, cùng với đó BSC đã thực hiện các biện pháp tạo lập thị trường tích cực nhằm cung cấp cho Nhà đầu tư các sản phẩm đầu tư có đòn bẩy và thanh khoản cao.

- **Đầu tư trái phiếu và các giấy tờ có giá khác:** Trong năm 2023, hoạt động kinh doanh TPCP, GTCG khác chịu nhiều áp lực từ các thay đổi tỷ giá, lãi suất và thanh khoản của hệ thống ngân hàng, BSC đã tận dụng các nhịp thay đổi để đạt hiệu quả kinh doanh tốt. Bên cạnh đầu tư hướng chênh lệch lãi suất, các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi đều là các tài sản có tính an toàn cao được BSC đầu tư nhằm mục tiêu phục vụ cho hoạt động nguồn vốn, đáp ứng đầy đủ, kịp thời và hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Trong năm 2023, thị trường phát hành TPDN vẫn diễn biến âm ảm và chỉ bắt đầu có dấu hiệu ổn định, khởi sắc sau khi Nghị định 08/2023/NĐ-CP được ban hành. Tuy nhiên, khó khăn thách thức vẫn còn nhiều do giá trị trái phiếu đến hạn trong năm lớn, niềm tin của nhà đầu tư chưa được phục hồi.

Với các điều kiện thị trường như vậy, hoạt động Tư vấn tài chính của BSC cũng bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của thị trường. Tổng doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành năm 2023 của BSC đạt 6,4 tỷ đồng, giảm 62% so với năm 2022.

Trong năm 2023, toàn bộ đội ngũ TVTC của BSC đều nỗ lực hỗ trợ các trái chủ xử lý tài sản đảm bảo và các nghĩa vụ liên quan với Tổ chức phát hành, đảm bảo tối đa lợi ích các bên và uy tín của BSC trên thị trường.

2.2. Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại

Tại thời điểm hiện tại, BSC không có vụ việc nào đang trong quá trình xử lý theo thủ tục tố tụng gây ảnh hưởng bất lợi đến các quyền và lợi ích hợp pháp của BSC.

2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh BSC

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm	Lũy kế 2024 (Q3/2024)
Tổng giá trị tài sản	5.591.086	8.326.379	49%	10.521.862
Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	1.098.935	1.269.269	15%	1.095.009
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	148.902	508.981	242%	401.960
Lợi nhuận khác	35	66	89%	334
Lợi nhuận trước thuế	148.937	509.048	242%	402.294
Lợi nhuận sau thuế	112.371	408.260	263%	321.937

Nguồn: BCTC BSC

2.4. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành

2.4.1 Các chứng quyền đang lưu hành tính tới ngày 19/11/2024

Không có

2.4.2 Các chứng quyền đã đáo hạn tính tới ngày 19/11/2024

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại chứng quyền	Thời hạn	Ngày đáo hạn	TLCĐ	Giá thực hiện (VNĐ)	Tổng số lượng chào bán
1	Chứng quyền mua MWG/BSC/C/EU/Cash-01	CMWG1901	Mua	3 tháng	09/09/2019	4:1	88.300	1.000.000
2	Chứng quyền FPT/BSC/C/6M/EU/Cash/2020-01	CFPT2013	Mua	6 tháng	08/04/2021	2:1	52.000	1.500.000
3	Chứng quyền HPG/BSC/C/6M/EU/Cash/2020-01	CHPG2024	Mua	6 tháng	08/04/2021	2:1	27.500	2.000.000
4	Chứng quyền MWG/BSC/C/3M/EU/Cash/2020-01	CMWG2014	Mua	3 tháng	08/01/2021	3,9446:1	105.519,4	1.500.000
5	Chứng quyền FPT/BSC/C/9M/EU/Cash/2021-01	CFPT2108	Mua	9 tháng	06/07/2022	6:1	106.835	1.500.000
6	Chứng quyền HPG/BSC/C/9M/EU/Cash/2021-01	CHPG2116	Mua	9 tháng	06/07/2022	4:1	61.410	2.500.000
7	Chứng quyền TCB/BSC/C/6M/EU/Cash/2021-01	CTCB2111	Mua	6 tháng	06/04/2022	4:1	56.350	2.500.000
8	Chứng quyền VPB/BSC/C/6M/EU/Cash/2021-01	CVPB2111	Mua	6 tháng	06/04/2022	2,2222:1	40.825	1.500.000
9	Chứng quyền MSN/BSC/C/7M/EU/Cash/2022-01	CMSN2207	Mua	7 tháng	09/01/2023	9,9269:1	128.058	1.500.000
10	Chứng quyền MWG/BSC/C/7M/EU/Cash/2022-01	CMWG2206	Mua	7 tháng	09/01/2023	4,9711:1	88.060	1.800.000
11	Chứng quyền NVL/BSC/C/7M/EU/Cash/2022-01	CNVL2207	Mua	7 tháng	09/01/2023	10:1	84.000	1.500.000
12	Chứng quyền PNJ/BSC/C/7M/EU/Cash/2022-01	CPNJ2204	Mua	7 tháng	09/01/2023	98715:1	141.160	2.500.000
13	Chứng quyền	CSTB2214	Mua	7	09/01/2023	2:1	23.000	2.000.000



	STB/BSC/C/7M/EU/Cash/ 2022-01			tháng				
14	Chứng quyền FPT/BSC/C/6M/EU/Cash/2 022-01	CFPT2301	Mua	6 tháng	27/06/2023	6:1	84.000	1.500.000
15	Chứng quyền HPG/BSC/C/6M/EU/Cash/ 2022-01	CHPG2301	Mua	6 tháng	27/06/2023	2:1	19.000	2.500.000
16	Chứng quyền HPG/BSC/C/9M/EU/Cash/ 2022-02	CHPG2302	Mua	9 tháng	27/09/2023	2:1	20.000	1.500.000
17	Chứng quyền MBB/BSC/C/6M/EU/Cash/ 2022-01	CMBB2301	Mua	6 tháng	27/06/2023	3,9015:1	15.899	2.500.000
18	Chứng quyền MBB/BSC/C/6M/EU/Cash/ 2022-02	CMBB2302	Mua	6 tháng	27/06/2023	1,9507:1	18.920	1.000.000
19	Chứng quyền VPB/BSC/C/9M/EU/Cash/ 2022-01	CVPB2301	Mua	9 tháng	27/09/2023	4:1	19.800	2.000.000
20	Chứng quyền MWG/BSC/C/7M/EU/Cash /2023-01	CMWG2312	Mua	7 tháng	25/04/2024	3:1	56.000	3,500,000
21	Chứng quyền STB/BSC/C/7M/EU/Cash/ 2023-01	CSTB2326	Mua	7 tháng	25/04/2024	2:1	33.000	3.500.000
22	Chứng quyền ACB/BSC/C/12M/EU/Cash /2023-01	CACB2304	Mua	12 tháng	25/09/2024	2,5204:1	23.000	2.000.000
23	Chứng quyền TCB/BSC/C/12M/EU/Cash /2023-01	CTCB2309	Mua	12 tháng	25/09/2024	1,4548:1	35.000	2.000.000

Trải qua 4 năm từ khi chứng quyền có bảo đảm ra đời, Công ty đã phát hành 23 mã chứng quyền, trong đó có 00 mã đang giao dịch và 23 mã đã đáo hạn. Công ty luôn tuân thủ tốt các quy định về phòng ngừa rủi ro và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đủ, đúng hạn đối với các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn.

3. Tình hình tài chính

3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay. Số dư các khoản vay ngắn hạn của công ty như sau:

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	Tại ngày 30/09/2024
Vay ngắn hạn	929.457.985.372	2.803.542.585.092	4.349.342.257.110
Nợ ngắn hạn khác	289.422.502.170	832.721.706.934	1.180.510.660.918
Tổng nợ ngắn hạn	1.218.880.487.542	3.636.264.292.026	5.529.852.936.028

Nguồn: BCTC BSC

3.2. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm 31/12/2022, 31/12/2023 và 30/09/2024 như sau:

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Thuế giá trị gia tăng	338.079.178	315.699.544	153.510.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.115.911.413	19.143.887.372	14.489.197.704
Thuế thu nhập cá nhân	3.418.560.762	2.268.156.174	2.119.514.028
Các loại thuế phải trả khác	15.393.427.126	12.885.444.371	11.105.733.075

Nguồn: BCTC BSC

3.3. Tổng dư nợ vay

Công ty hiện không có nợ quá hạn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và không có dư nợ bảo lãnh. Dưới đây là số dư các khoản nợ ngắn hạn, dài hạn tại ngày 31/12/2022, 31/12/2023 và 30/09/2024:

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Nợ ngắn hạn	1.218.880.487.542	3.636.264.292.026	5.529.852.936.028
Nợ dài hạn	5.808.562.699	5.699.553.361	16.462.330.544
Tổng dư nợ	1.224.689.050.241	3.641.963.845.387	5.546.315.266.572

Nguồn: BCTC BSC

3.4. Tình hình công nợ hiện nay

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Tổng nợ phải thu	49.013.141.745	89.647.441.116	305.703.314.350
Tổng nợ phải trả	1.224.689.050.241	3.641.963.845.387	5.529.852.936.028

Nguồn: BCTC BSC

km

3.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: VNĐ

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Quý III Năm 2024
1. Chỉ tiêu về an toàn tài chính			
- Giá trị vốn khả dụng (VNĐ):	4.199.691.549.176	4.547.238.466.471	4.875.136.700.881
- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) (VNĐ)	482.865.907.818	554.812.128.898	728.602.481.095
- Tỷ lệ vốn khả dụng:	870%	820%	669%
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	4,48	2,27	1,80
- Hệ số thanh toán nhanh:	0,65	0,22	0,05
3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,22	0,44	0,53
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,28	0,78	1,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	0,1	0,32	0,29
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,09	0,06
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,05	0,03
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu hoạt động	0,14	0,4	0,37
Thu nhập trên cổ phần (VNĐ)	811	2.105	1.554

Nguồn: BCTC BSC

Handwritten signature

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

Tên chứng quyền	: Chứng quyền VNM/BSC/C/9M/EU/Cash/2024-01
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	: VNM
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Loại chứng quyền	: Chứng quyền mua
Kiểu thực hiện	: Thực hiện kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền	: Thực hiện bằng tiền
Thời hạn	: 9 tháng
Ngày đáo hạn	: Dự kiến trong tháng 9/2025 (ngày tròn 9 tháng kể từ ngày chào bán được công bố tại Bản Thông báo phát hành)
Tỷ lệ chuyển đổi	: 6:1 (6 chứng quyền đổi 1 chứng khoán cơ sở)
Hệ số nhân	: Không có
Giá thực hiện	: Thấp hơn 20% đến cao hơn 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở vào ngày thông báo phát hành chứng quyền (giá thực hiện cụ thể được công bố tại Bản Thông báo phát hành)
Tài sản bảo đảm thanh toán	: $50\% \times \text{Số lượng đăng ký phát hành} \times \text{Giá phát hành}$ (số lượng đăng ký phát hành và giá phát hành cụ thể được công bố tại Bản Thông báo phát hành)
Tổng số chứng quyền dự kiến chào bán	: 1.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán	: 1.000.000.000 – 4.000.000.000 VND
Giá chào bán	: 1.000 – 4.000 VND (giá chào bán cụ thể được thông báo tại Bản Thông báo phát hành)

Phương pháp tính giá chào bán :

Công thức Black Scholes:

Giá lý thuyết của chứng quyền mua:

eml

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: giá lý thuyết của chứng quyền mua;

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: giá thực hiện của chứng quyền (bằng giá tham chiếu của tài sản cơ sở tại ngày phát hành)

S: giá chứng khoán cơ sở (giá tham chiếu của tài sản cơ sở ngày phát hành)

T: thời gian còn lại đến khi đáo hạn tính theo năm

r_c : lãi suất phi rủi ro

σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở tính theo năm

k: tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền: Tỷ lệ chuyển đổi được áp dụng khi thực hiện quyền tại thời điểm đáo hạn.

Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền tổ chức phát hành phải trả cho người nắm giữ chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, cụ thể:

Số tiền thanh toán = [(Giá thanh toán – Giá thực hiện) / Tỷ lệ chuyển đổi].

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black-Scholes

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

Δ_{CALL} : giá trị delta của chứng quyền mua.;

$N(d_1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

Tên công ty	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Lĩnh vực hoạt động chính	Sản phẩm từ sữa
Mã chứng khoán cơ sở	VNM
Ngày giao dịch đầu tiên:	19/01/2006
P/E tại ngày 19/11/2024	13,72
Vốn hóa tại ngày 19/11/2024	131.667 tỷ đồng

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.089.955.445 cổ phiếu
Độ biến động giá 12 tháng gần nhất	-4,96%
Khối lượng giao dịch khớp lệnh trung bình 12 tháng	3.712.159 cổ phiếu
Giá cao nhất 12 tháng	73.446 VND (giá điều chỉnh)
Giá thấp nhất 12 tháng	61.366 VND (giá điều chỉnh)

Thông tin tài chính:

Thông tin tài chính cơ bản về chứng khoán cơ sở

Đơn vị : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Lũy kế 2024 (Q3/2024)
Tổng giá trị tài sản	48.482.664	52.673.371	57.677.080
Vốn chủ sở hữu	32.816.518	35.025.744	35.244.276
Doanh thu thuần	59.956.247	60.368.916	16.655.788
Thuế và các khoản phải nộp	598.135	967.879	1.944.904
Lợi nhuận trước thuế	10.495.535	10.967.899	2.941.802
Lợi nhuận sau thuế	8.577.575	9.019.354	2.403.153
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	27,06%	29,31%	29,69%

Nguồn : BCTC của chứng khoán cơ sở, FIIN Pro

Chỉ số tài chính của chứng khoán cơ sở

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,06	2,10
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,55	0,55
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,32	0,34
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,48	0,50
3, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	14,31%	14,94%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	27,06%	28,84%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	16,73%	17,54%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (VND)	4.075	4.246

Nguồn : BSC tổng hợp

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Chứng quyền sẽ được phân phối ngay sau khi

- BSC được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền
- BSC hoàn thành ký quỹ ban đầu theo đợt phát hành
- BSC hoàn thành công bố thông tin và Bản cáo bạch

Thời gian phân phối chứng quyền dự kiến trong vòng 05 ngày làm việc tính từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực. Thời gian phân phối cụ thể được công bố tại Bản Thông báo phát hành của BSC.

Phương án phân phối chứng quyền trong trường hợp số lượng đăng ký mua lớn hơn số lượng chào bán:

Kết thúc đợt phân phối, trường hợp số chứng quyền chào bán ít hơn tổng số lượng đăng ký mua chứng quyền trong cả đợt chào bán, thì số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số Chứng Quyền} \\ \text{Nhà Đầu Tư được} \\ \text{mua} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số Chứng Quyền} \\ \text{chào bán} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số Chứng Quyền từng} \\ \text{Nhà Đầu Tư đăng ký mua} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số Chứng Quyền các Nhà} \\ \text{Đầu Tư đăng ký mua} \end{array}}$$

Số lượng chứng quyền tính theo công thức trên sẽ được làm tròn xuống đến 100 chứng quyền cho từng nhà đầu tư, theo nguyên tắc tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá số lượng chứng quyền chào bán.

Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền:

- Sau khi có văn bản chấp thuận kết quả phân phối của UBCKNN, BSC sẽ thông báo tới Nhà đầu tư số lượng chứng quyền đăng ký mua thành công qua kênh Email/SMS.
- Nhà đầu tư nhận Phiếu Thông báo kết quả đặt mua trực tiếp tại nơi nộp hồ sơ đăng ký trong vòng 02 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày NĐT nhận được thông báo qua kênh Email/SMS của BSC.
- BSC sẽ gửi Phiếu Thông báo kết quả đặt mua theo đường bưu điện đối với các trường hợp Nhà đầu tư không trực tiếp đến nhận tại nơi đăng ký sau 03 ngày làm việc kể từ ngày NĐT nhận được thông báo qua kênh Email/SMS của BSC.

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 100 chứng quyền

Bước khối lượng đặt mua chứng quyền: 100 chứng quyền

Xử lý khoản tiền đặt mua của nhà đầu tư:

- Trường hợp Nhà Đầu Tư sở hữu 100% khối lượng Chứng Quyền đăng ký đặt mua: khoản tiền đặt mua được đối trừ hết.
- Trường hợp Nhà Đầu Tư không sở hữu 100% khối lượng Chứng Quyền đăng ký đặt mua, BSC sẽ hoàn trả cho Nhà Đầu Tư khoản tiền được tính theo công thức:

Số tiền hoàn trả = Tổng giá trị đăng ký đặt mua - Giá trị giao dịch - Các loại thuế/phí/chi phí (nếu có)

Thời gian hoàn trả dự kiến tối đa không quá 02 ngày làm việc kể có văn bản chấp thuận kết quả phân phối của UBCKNN (hoặc theo quy định tại Thông báo phát hành của từng đợt).

4. Đăng ký mua chứng quyền

Nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở, Chi nhánh của CTCP Chứng khoán BIDV. Quy trình đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm khi BSC phát hành như sau:

- **Bước 1:** Nhà đầu tư nhận và điền đầy đủ thông tin vào “Phiếu đăng ký đặt mua chứng quyền có bảo đảm”.
- **Bước 2:** Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm trực tiếp tại các quầy giao dịch tại Hội sở, Chi nhánh của BSC.
- **Bước 3:**
 - + **Đối với Nhà đầu tư có tài khoản chứng khoán tại BSC:** khách hàng nộp tiền vào tài khoản chứng khoán (tiểu khoản thường) và BSC sẽ tự động trích tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện chuyển nộp tiền đặt mua vào tài khoản nhận tiền đặt mua chứng quyền của BSC có thông tin như bên dưới (*).
 - + **Đối với Nhà đầu tư chưa có tài khoản chứng khoán tại BSC:** khách hàng nộp tiền đặt mua chứng quyền vào tài khoản nhận tiền đặt mua chứng quyền của BSC có thông tin như bên dưới (*) với nội dung nộp tiền như sau: <Tên nhà đầu tư><Số ĐKKD/CMND/CCCD....><nộp tiền mua><Số lượng chứng quyền đặt mua><Tên chứng quyền đặt mua><Đợt phát hành ngày/....>
 - + (*) **Số tài khoản của BSC nhận tiền đặt mua chứng quyền VNM:**

Tên người thụ hưởng : Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV
Số tài khoản : **140 001 537 027**
Tại Ngân hàng : Vietinbank - CN TP Hà Nội

Lưu ý: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ Bộ Hồ sơ Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm gồm:

Đối với cá nhân có tài khoản chứng khoán tại BSC:

- 02 Bản gốc Phiếu đăng ký đặt mua chứng quyền có bảo đảm.
- 01 bản sao CMND/CCCD/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Hộ chiếu còn hiệu lực của Nhà đầu tư, có mang theo bản gốc để đối chiếu.

Đối với cá nhân không có tài khoản chứng khoán tại BSC

- 02 Bản gốc Phiếu đăng ký đặt mua chứng quyền có bảo đảm.
- 01 bản sao CMND/CCCD/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Hộ chiếu còn hiệu lực của Nhà đầu tư, có mang theo bản gốc để đối chiếu.
- 01 Bản gốc/bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSDC & Hộ chiếu (dành cho Nhà đầu tư nước ngoài).
- 01 bản sao Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) (dành cho nhà đầu tư nước ngoài).

Đối với pháp nhân có tài khoản chứng khoán tại BSC

- 02 bản gốc Phiếu đăng ký đặt mua chứng quyền có bảo đảm.
- 01 bản gốc Giấy giới thiệu người giao nhận hồ sơ.
- 01 bản sao CMND/CCCD/Thẻ Căn cước/Căn cước điện tử/Hộ chiếu còn hiệu lực của người giao nhận hồ sơ, có mang theo bản gốc để đối chiếu.

Đối với pháp nhân không có tài khoản chứng khoán tại BSC

- 02 bản gốc Phiếu đăng ký đặt mua chứng quyền có bảo đảm.
- 01 bản sao bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- 01 bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật các loại giấy tờ liên quan đến thay đổi thông tin doanh nghiệp (nếu có).
- 01 bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật CMND/CCCD/Thẻ Căn cước/Căn cước điện tử/Hộ chiếu còn hiệu lực của người đại diện theo pháp luật.
- 01 bản gốc/bản sao y có ký, đóng dấu của người có thẩm quyền đối với các Giấy tờ ủy quyền hợp pháp của người đại diện theo pháp luật.
- 01 bản gốc/bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSDC (dành cho nhà đầu tư nước ngoài).
- 01 bản sao Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) dành cho nhà đầu tư nước ngoài.
- 01 bản gốc Giấy giới thiệu người giao nhận hồ sơ.
- 01 bản sao CMND/CCCD/Thẻ Căn cước/Căn cước điện tử/Hộ chiếu còn hiệu lực của người giao nhận hồ sơ, có mang theo bản gốc để đối chiếu.

5. Thực hiện chứng quyền**Nguyên tắc thực hiện chứng quyền:**

- Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi (ITM).
- TCPH gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến VSDC chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.
- Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ 02 sau ngày giao dịch cuối cùng tại SGDCK. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đáo hạn chứng quyền.
- Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ 05 kể từ ngày đăng ký cuối cùng.

Quy trình thực hiện::

- Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của TCPH, VSDC lập và gửi cho HSX và các Thành viên “Thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền”.
- Chậm nhất 9h ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký (TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp gửi cho VSDC thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 11h ngày làm việc liền kề sau ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong danh sách.
- Ngày làm việc thứ 02 sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC gửi TCPH “Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền”.
- Chậm nhất vào ngày làm việc thứ 3 sau ngày đăng ký cuối cùng, TCPH gửi “Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền”. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.
- Trong vòng 01 ngày làm việc sau ngày nhận được Thông báo xác nhận của TCPH, VSDC gửi văn bản thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.
- Chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, TCPH chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.
- Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSDC phân bổ vào tài khoản của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. TVLK chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán. Trường hợp TCPH thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng 01 ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản của TCPH, VSDC gửi thông báo cho SGDCK và các Thành viên về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.

Cách tính số tiền thanh toán:

Việc thanh toán lãi lỗ chứng quyền tại ngày đáo hạn sẽ được thực hiện bằng tiền, cụ thể như sau:

Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện,

Số tiền thanh toán = [(Giá thanh toán – Giá thực hiện) / Tỷ lệ chuyển đổi], Trong đó:



Giá thanh toán = Giá đóng cửa trung bình của chứng khoán cơ sở 5 ngày làm việc liên tục trước ngày đáo hạn chứng quyền,

Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn,

Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán,

Trong trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, công ty bảo đảm sử dụng các nguồn để thanh toán và thực hiện nghĩa vụ đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm như sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro cho Chứng quyền trên tài khoản tự doanh. Cụ thể: chứng khoán phòng ngừa rủi ro trong tài khoản tự doanh sẽ được bán trên thị trường, thu về tiền mặt để thanh toán nghĩa vụ cho các nhà đầu tư,
- Tài sản bảo đảm thanh toán đã được Công ty ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm sẽ được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ cho các nhà đầu tư. Tài sản bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng lưu ký là tiền mặt và/hoặc chứng chỉ tiền gửi, có giá trị bằng 50% tổng giá trị của đợt phát hành.

Trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật về giải thể, phá sản đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

Trường hợp Công ty bị hợp nhất, sáp nhập, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật doanh nghiệp.

Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư:

dan

- Tổ chức phát hành sẽ thực hiện mua lại các chứng quyền đang lưu hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường, trong khoảng thời gian từ khi có Quyết định hủy niêm yết chứng quyền đến ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.
- Sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực, đối với các chứng quyền còn lưu hành, tổ chức phát hành phối hợp với Trung tâm Lưu ký thanh toán tiền cho các nhà đầu tư đang sở hữu chứng quyền, Giá thanh toán được tính theo công thức trung bình giá đóng cửa của CKCS 5 phiên giao dịch trước ngày đáo hạn.

7. Điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới.

Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:

- Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền /Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân.
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

8. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

Phần trình bày về thuế trong Mục này dựa trên các quy định hiện hành tại ngày phát hành Bản cáo bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản cáo bạch. Những nội dung trình bày về thuế trong Mục này có thể thay đổi trong tương lai do sự thay đổi về luật và quy định về thuế tại Việt Nam.

Thuế giá trị gia tăng

Các hoạt động liên quan tới chào bán, niêm yết, giao dịch, tạo lập thị trường, kinh doanh chứng khoán, bù trừ, thanh toán chứng quyền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo Công văn số 1468/BTC-CST ngày 7/2/2018 của Bộ Tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp trong nước

Thu nhập từ chứng quyền áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế với công ty chứng khoán phát hành chứng quyền là thời điểm phát hành chứng quyền mua, thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm thực hiện quyền.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nước ngoài

Với tổ chức nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký nơi cá nhân, nhà thầu nước ngoài mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ thuế trước khi thanh toán tiền.

Thuế thu nhập cá nhân

Về thuế TNCN, số tiền thuế sẽ tính bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân với mức thuế suất 0,1%. Cách tính này áp dụng cho các trường hợp sau:

- **Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng quyền:** thì Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên SGDCK nhân (x) Số lượng chứng quyền.
- **Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết:** thì Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là:
 - + Giá mua lại theo mức giá thị trường của TCPH thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực), hoặc
 - + Giá thanh toán chứng quyền do TCPH công bố nhân (x) Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).
- **Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền:** Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) Số lượng chứng quyền chia (:) Tỷ lệ chuyển đổi

Đối với nhà đầu tư, thời điểm xác định thu nhập tính thuế là khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền mua trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền.

Công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký nơi cá nhân, nhà thầu nước ngoài mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN trước khi thanh toán tiền.



9. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm bảo đảm thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%, Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất,

Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền,
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn,
- Giá đặt lệnh phải bảo đảm không vượt tỷ lệ chênh lệch giá (5%),
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán),
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút,

Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại Bản cáo bạch của tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;



- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh,,,
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

BSC thực hiện quản trị rủi ro theo các quy trình quy định tại Chính sách quản trị rủi ro cho nghiệp vụ chứng quyền có bảo đảm, đồng thời tuân thủ Chính sách quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty được HĐQT Công ty phê duyệt.

Cụ thể, việc quản trị rủi ro nghiệp vụ chứng quyền được thực hiện theo các bước sau sau:

Bước 1: Nhận diện rủi ro:

Các rủi ro thường gặp đối với nghiệp vụ chứng quyền có bảo đảm

- Rủi ro thị trường: Là rủi ro làm thay đổi giá chứng quyền có bảo đảm do hệ quả của sự thay đổi giá của tài sản cơ sở theo chiều hướng bất lợi.
- Rủi ro thanh toán: Là rủi ro xảy ra khi BSC không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn với Khách hàng (thanh toán lãi/lỗ vị thế, thanh toán chuyển giao vật chất), có thể xảy ra do nguồn vốn BSC không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính của danh mục đầu tư tự doanh hoặc các nguyên nhân khác có thể phát sinh.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền có bảo đảm ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền có bảo đảm đó.
- Rủi ro hoạt động: Là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp nghiệp vụ chứng quyền có bảo đảm hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.
- Rủi ro công nghệ: Là rủi ro xảy ra khi hệ thống phần mềm của BSC chưa đủ chặt chẽ tạo ra các kẽ hở dẫn đến sai phạm, vi phạm các quy định đối với hoạt động kinh doanh Chứng quyền có bảo đảm khiến BSC hoặc khách hàng BSC bị thiệt hại về hình ảnh và tài chính. Ngoài ra, rủi ro về công nghệ còn xảy ra khi hệ thống của BSC gặp các sự cố gián đoạn quá trình giao dịch của Khách hàng gây thiệt hại về tài chính.
- Rủi ro pháp lý: Là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ, tuân thủ không chính xác, đầy đủ các quy định pháp lý liên quan đến nghiệp vụ giao dịch Chứng quyền có bảo đảm, và rủi ro phát sinh từ hợp đồng giữa BSC và khách hàng, đối tác.

Bước 2: Đo lường và phân tích rủi ro

Các rủi ro được nhận diện liên quan đến nghiệp vụ chứng quyền có đảm bảo tại BSC được phân tích mức độ trọng yếu dựa trên 2 phương diện: khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng (nếu rủi ro xảy ra).

Bước 3: Đánh giá rủi ro

Các rủi ro trọng yếu liên quan đến nghiệp vụ chứng quyền có đảm bảo sau khi nhận diện được tiến hành xác định các chiến lược/ hoạt động kiểm soát tương ứng đã và đang được thực hiện, và đánh giá mức độ phù hợp/ hiệu quả của các hoạt động kiểm soát đó.

Bước 4: Xử lý rủi ro

Đối với những rủi ro trọng yếu liên quan đến nghiệp vụ chứng quyền có đảm bảo chưa có kiểm soát hiệu quả, BSC thực hiện các bước:

- Xác định các phương án xử lý rủi ro;
- Đánh giá các phương án xử lý rủi ro đã đề xuất;
- Lựa chọn các phương án xử lý phù hợp với hoàn cảnh công ty;
- Tiến hành chuẩn bị các phương án xử lý rủi ro đã được chọn;
- Thực hiện các phương án hành động xử lý/giảm thiểu rủi ro.

Bước 5: Báo cáo và theo dõi

Rủi ro liên quan đến chứng quyền có bảo đảm được kiểm soát hàng ngày và được báo cáo lên Ban Lãnh đạo, thông báo tới các phòng kinh doanh khi chạm mức cảnh báo rủi ro theo quy định theo từng thời kỳ.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến**2.1. Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền**

Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

2.2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền**Mục đích phòng ngừa rủi ro:**

Để tổng chi phí phòng ngừa rủi ro trong suốt thời gian từ khi phát hành chứng quyền đến khi đáo hạn chứng quyền không được quá chênh lệch với khoản phí chứng quyền hợp lý.

Chi phí phòng ngừa rủi ro bao gồm:

- Chi phí mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro: Chi phí này là khoản lỗ tiềm năng khi tổ chức phát hành thực hiện việc mua/bán chứng khoán cơ sở hàng ngày để phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng quyền đang lưu hành. Khoản

chi phí này luôn phát sinh bất kể việc chứng quyền có được nhà đầu tư thực hiện hay không;

- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để mua chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí giao dịch khi mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Phí chứng quyền hợp lý là mức phí được tính toán theo các công thức định giá quyền chọn (còn gọi là giá lý thuyết) căn cứ trên một mức độ biến động hợp lý của giá tài sản cơ sở.

Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:

Việc mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro dựa vào hệ số delta trong mô hình Black-Scholes, cụ thể:

$$\Delta = N(d_1)$$

Trong đó:

Delta: giá trị delta của chứng quyền mua;

$N(d_1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes.

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Các tham số của d_1 được quy định tại phần V, mục 1 của Bản cáo bạch

Số lượng chứng khoán cần mua để phòng ngừa rủi ro (lý thuyết):

$Q_{\text{lý thuyết}} = \Delta * \text{số lượng chứng quyền cần phòng ngừa rủi ro/tỷ lệ chuyển đổi}$

Số lượng chứng khoán phòng ngừa rủi ro có thể là chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở được phát hành bởi các tổ chức phát hành khác.

$$Q_{\text{thực tế}} = Q_s + Q_{CW} * k$$

Trong đó:

$Q_{\text{thực tế}}$: Tổng số lượng chứng khoán phòng ngừa rủi ro

Q_s : Số lượng chứng khoán cơ sở

Q_{CW} : Số lượng chứng quyền có cùng tài sản cơ sở của các tổ chức phát hành khác

k : Tỷ lệ chuyển đổi của Q_{CW} .

Tổ chức phát hành bảo đảm số lượng chứng khoán phòng ngừa rủi ro sao cho:

$(Q_{\text{thực tế}} - Q_{\text{lý thuyết}}) / Q_{\text{lý thuyết}}$ luôn nằm trong khoảng $[-20\%; 20\%]$.

Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

- **Ban điều hành** có trách nhiệm tổ chức triển khai tư vấn, xây dựng chiến lược và chính sách quản trị rủi ro, thực hiện chiến lược và chính sách quản trị rủi ro đã được

hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu phê duyệt và ban hành; điều hành hoạt động quản trị rủi ro hàng ngày của tổ chức, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro của mình.

- **Bộ phận Sản phẩm cấu trúc** (thuộc Phòng Đầu tư) là bộ phận trực tiếp phòng ngừa rủi ro trong việc phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền; có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, thực hiện báo cáo về chênh lệch vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và lý thuyết hàng ngày theo quy định của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán; cung cấp thông tin và phối hợp với Phòng Quản trị rủi ro để quản trị và kiểm soát rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.
- **Phòng Quản trị rủi ro** là phòng chịu trách nhiệm giám sát hoạt động, quản trị rủi ro của bộ phận trực tiếp phòng ngừa rủi ro; bảo đảm các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.
- **Phòng Kiểm soát nội bộ** có trách nhiệm giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan; và kiểm tra, rà soát sự tuân thủ chính sách, thủ tục, quy trình nghiệp vụ tại các phòng/bộ phận trong công ty.

Phương án phòng ngừa rủi ro tổng quát:

BSC áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, BSC sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế của công ty là trung hòa delta ($\Delta = 0$) khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.
- Các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền (nếu có).

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành

Đợt 1: Phát hành 1 chứng quyền trên chứng khoán cơ sở MWG trong tháng 6/2019 với tổng khối lượng chào bán là 1.000.000 chứng quyền.

Đợt 2: Phát hành 3 chứng quyền trên các chứng khoán cơ sở FPT, HPG và MWG trong tháng 10/2020 với tổng khối lượng chào bán là 5.000.000 chứng quyền.

Đợt 3: Phát hành 4 chứng quyền trên các chứng khoán cơ sở FPT, HPG, TCB và VPB trong tháng 10/2021 với tổng khối lượng chào bán là 8.000.000 chứng quyền.

Đợt 4: Phát hành 5 chứng quyền trên các chứng khoán cơ sở MSN, MWG, NVL, PNJ và STB trong tháng 6/2022 với tổng khối lượng chào bán là 9.300.000 chứng quyền.

Đợt 5: Phát hành 6 chứng quyền trên các chứng khoán cơ sở FPT, HPG, MBB và VPB trong tháng 12/2022 với tổng khối lượng chào bán là 11.000.000 chứng quyền.

Đợt 6: Phát hành 4 chứng quyền trên các chứng khoán cơ sở ACB, MWG, STB và TCB trong tháng 9/2023 với tổng khối lượng chào bán là 11.000.000 chứng quyền.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI (EY)

Trụ sở chính : Tầng 8, Tòa nhà Conrystone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (+84 24) 3831 5100

Fax : (+84 24) 3831 5090

2. Ngân hàng lưu ký

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trụ sở chính : Số 6 Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.3934 9590

Fax: 024.3825 7308

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi cam kết đảm bảo quyền lợi của người sở hữu chứng quyền và thực hiện các biện pháp đảm bảo thanh toán theo nội dung Bản cáo bạch này.

Chúng tôi cam kết Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam không phải người có liên quan của BSC đáp ứng theo quy định tại Điều 3, Khoản 3 Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 về hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Chúng tôi cam kết Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hà Nội không phải là người có liên quan của BSC đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/HQ14 ngày 26/11/2019.

Chúng tôi và chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động đầu tư, môi giới, và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/ hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và chi nhánh của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

Ngoài ra, chúng tôi không có các mối quan hệ khác với các bên cung cấp dịch vụ mà có khả năng gây ra xung đột lợi ích với việc phát hành chứng quyền. Các bên này bao gồm các bên tư vấn, kế toán, kiểm toán, luật, chuyên gia hoặc các bên khác cung cấp dịch vụ tư vấn.

X. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XI. PHỤ LỤC

- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông qua sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua chào bán chứng quyền;
- Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức phát hành;
- Bản sao Điều lệ của tổ chức phát hành;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm gần nhất của Tổ chức phát hành;
- Các tài liệu khác theo quy định.

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2024

NGÂN HÀNG LƯU KÝ

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Viễn

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Trọng Cường